

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2024/DS-ST

Ngày 02-4-2024.

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ–TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Miêng.
2. Bà Bùi Thị Duyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 532/2023/TLST–DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐST–DS ngày 30 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Trần Duy Q, sinh năm 1997; Nơi cư trú: ấp AHB, xã A T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Chị Lê Thị Thuý T, sinh năm 1997; Địa chỉ liên hệ: đường 19/5, khu phố 2, thị trấn BT, tỉnh Bến Tre.

* Bị đơn: Bà Cao Thị H, sinh năm 1948 và anh Mai Hữu T, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp QH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Cao Thị H: Chị Lê Thị Mộng T–Trợ giúp viên Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre. Chị có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn Cao Thị H: Anh Mai Hữu T, sinh năm 1988; Địa chỉ: ấp QH, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Chị T và anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20/01/2022, anh Q là chủ cửa hàng thuốc thú y thuỷ sản Minh Long có ký kết hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thú y thuỷ sản với anh Mai

Hữu T và bà Cao Thị H. Theo đó hai bên thoả thuận anh Q sẽ bán thức ăn và thuốc thủy sản cho anh T và bà H, đến ngày thu hoạch tôm xong thì anh T và bà H phải thanh toán dứt điểm công nợ của vụ tôm đó cho anh Q. Trong quá trình mua bán anh Q đã giao hàng hoá theo đơn hàng anh T, bà H, mỗi lần giao hàng đều có ký nhận. Tuy nhiên, sau khi thu hoạch tôm anh T, bà H không thanh toán nợ theo thoả thuận. Tính đến ngày 22/12/2022 anh T và bà H còn nợ anh Q số tiền 207.577.000 đồng, tính từ thời điểm này hai bên không còn giao dịch nữa. Sau khi ngưng mua bán, anh Q nhiều lần đề nghị anh T, bà H thanh toán nợ nhưng không có kết quả, làm ảnh hưởng đến quá trình kinh doanh anh Q.

Anh Q yêu cầu anh T và bà H phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh Q số tiền là 207.577.000 đồng. Anh Q tự nguyện rút yêu cầu đối với anh T và bà H là 13.783.112 đồng.

Tại bản tự khai ngày 08/01/2024 và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Mai Hữu T trình bày:

Vào khoảng năm 2021 anh có nhiều lần mua thức ăn, thuốc xử lý để nuôi tôm công nghiệp tại cửa hàng của anh Q. Lúc đó, anh với anh Q có thoả thuận là anh Q sẽ bao đến cuối vụ, nếu vụ nào anh có lợi nhuận thì anh sẽ trả đủ còn nếu tôi thua lỗ thì anh chỉ trả 70% của số tiền mà anh thu hoạch tôm, chứ không phải trả 70% của công nợ. Khi mua bán 02 bên có làm hợp đồng mua bán có anh và mẹ anh là bà Cao Thị H ký tên, khi cần mặt hàng nào thì anh điện thoại, anh Q sẽ giao hàng đến tận ao nuôi cho anh. Do anh nhiều lần chăn nuôi không thuận lợi nên tính đến ngày 22/12/2022 thì anh và bà H còn nợ anh Q số tiền là 207.577.000 đồng đến nay chưa trả được.

Anh và bà H thừa nhận hiện nay có nợ anh Q số tiền là 207.577.000 đồng. Hiện nay gia đình anh đang gặp khó khăn nên anh không có khả năng trả một lần theo yêu cầu của anh Q, anh và bà H cam kết mỗi năm sẽ trả mỗi năm cho anh Q 10.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 207.577.000 đồng nếu có thu nhập nhiều hơn thì anh sẽ trả nhiều hơn. Nếu anh Q đồng ý rút yêu cầu đối với anh và bà H số tiền 13.783.112 đồng thì anh đồng ý.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của bà H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật đề ra một bản án khách Q, đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Q hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán T sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Mai Hữu T và bà Cao Thị H cư trú tại ấp Q H, xã HL, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh Q về việc yêu cầu anh T và bà H phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh Q tiền lãi 13.783.112 đồng. Xét thấy: việc rút yêu cầu khởi kiện này của anh Q là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung vụ án: Anh Q yêu cầu anh T và bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Q số tiền 207.577.000 đồng. Anh T và bà H đồng ý liên đới giao trả cho anh Q số tiền 207.577.000 đồng nhưng yêu cầu được trả dần mỗi năm 10.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số tiền 207.577.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Q, xét thấy: Hợp đồng mua bán giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng các bị đơn đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Duy Q là có căn cứ nên cần buộc bị đơn anh Mai Hữu T và bà Cao Thị H phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh Q số tiền là 207.577.000 đồng phù hợp.

[6] Xét yêu cầu trả nợ dần của anh T và bà H, xét thấy: Do anh T và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh Q trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh Q. Đồng thời, tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của anh T và bà H nên không có căn cứ chấp nhận.

[7] Q điếm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Cao Thị H là phù hợp nên được chấp nhận.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Duy Q được chấp nhận nên bị đơn anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Cao Thị H được miễn nộp án phí theo quy định.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trần Duy Q về việc yêu cầu anh Mai Hữu T và bà Cao Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Q số tiền là 13.783.112 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Duy Q. Buộc anh Mai Hữu T và bà Cao Thị H có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh Trần Duy Q số tiền là 207.557.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ Q thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trần Duy Q được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thanh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.534.000 đồng theo biên lai thu số 0000311 ngày 13 tháng 11 năm 2023.

- Anh Mai Hữu T phải nộp là 5.188.925 đồng.

- Bà Cao Thị H được miễn nộp án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Vân

